

 Dạo này thế nào?	 Lâu rồi không gặp	¡Cuánto tiempo sin vernos! Lâu rồi không gặp. ¡Cuánto tiempo sin vernos! Lección 10 · Frases sociales rápidas	¿Qué tal? Dạo này thế nào? ¿Qué tal? Lección 10 · Frases sociales rápidas
 Bạn thích ...	 Bạn đang làm gì ...?	¿Qué andas haciendo? Bạn đang làm gì thế? ¿Qué andas haciendo ahora? Lección 10 · Frases sociales rápidas	¿Qué te gusta? Bạn thích làm gì? ¿Qué te gusta? Lección 10 · Frases sociales rápidas
 Chúc bạn một ngày tốt lành	 Bảo trọng	Cuídate Bảo trọng. Hẹn gặp lại bạn vào ngày mai. Cuídate. Nos vemos mañana. Lección 10 · Frases sociales rápidas	Que tengas un buen día Chúc bạn một ngày tốt lành, John! ¡Que tengas un buen día, John! Lección 10 · Frases sociales rápidas
 Chúc may mắn!	 Chúc mừng	¡Felicidades! Chúc mừng! Bạn đã hoàn thành công việc khó khăn này. ¡Felicidades! Terminaste el trabajo duro. Lección 10 · Frases sociales rápidas	¡Buena suerte! Chúc may mắn! Tôi tin bạn! ¡Buena suerte! ¡Creo en tí! Lección 10 · Frases sociales rápidas

 Chúc mừng!	 Không vấn đề gì	No hay problema Không vấn đề gì, tôi có thể giúp bạn. No hay problema, puedo ayudarte. Lección 10 · Frases sociales rápidas	¡Salud! Chúc mừng! ¡Salud! Lección 10 · Frases sociales rápidas
 Đừng lo	 Được thôi	Suena bien Được thôi, cảm ơn bạn! Me suena bien, ¡gracias! Lección 10 · Frases sociales rápidas	No te preocupes Đừng lo, mọi chuyện sẽ ổn thôi. No te preocupes, todo estará bien. Lección 10 · Frases sociales rápidas
 Ngày hôm nay của bạn thế nào?	 Cuối tuần của bạn thế nào?	¿Qué tal tu fin de semana? Cuối tuần của bạn thế nào? ¿Qué tal tu fin de semana? Lección 114 · Iniciadores de conversación	¿Qué tal tu día? Ngày hôm nay của bạn thế nào? ¿Qué tal tu día? Lección 114 · Iniciadores de conversación
 Hôm nay bạn có kế hoạch gì ...?	 Thời tiết thế nào	¿Cómo está el clima? Thời tiết thế nào? ¿Cómo está el clima? Lección 114 · Iniciadores de conversación	¿Qué planes tienes para hoy? Hôm nay bạn có kế hoạch gì không? ¿Qué planes tienes para hoy? Lección 114 · Iniciadores de conversación

 Bạn đã xem ... chưa?	 Thế nào	¿Qué tal estuvo? Thế nào? Bạn có thấy thích không? ¿Qué tal estuvo? ¿Lo disfrutaste? Lección 114 · Iniciaidores de conversación	¿Viste...? Bạn đã xem trận đấu chưa? ¿Viste el partido? Lección 114 · Iniciaidores de conversación
 kể cho tôi nghe về ...	 Hay đấy	¡Genial! Hay đấy, tôi đồng ý. ¡Genial! Estoy de acuerdo. Lección 114 · Iniciaidores de conversación	Cuéntame sobre Hãy kể cho tôi nghe về một ngày của bạn. Cuéntame sobre tu día. Lección 114 · Iniciaidores de conversación
 Thật à?	 Không đời nào	¡No puede ser! Không đời nào! Tôi chưa bao giờ thấy cái đó! ¡No puede ser! ¡Nunca he visto eso! Lección 114 · Iniciaidores de conversación	¿De verdad? Thật à? Điều đó có đúng không? ¿De verdad? ¿Es cierto? Lección 114 · Iniciaidores de conversación
 Tôi hiểu rồi	 thú vị	Interesante Thú vị thật. Tôi chưa bao giờ nhìn nhận vấn đề theo cách đó. Interesante. Nunca lo había visto así. Lección 114 · Iniciaidores de conversación	Ya veo Tôi hiểu rồi. Bây giờ tôi đã hiểu. Ya veo. Ahora entiendo. Lección 114 · Iniciaidores de conversación

 tiện thể	 dù sao đi nữa	de todas formas Chúng ta vẫn nên đi dù sao đi nữa. Deberíamos ir de todas formas. Lección 115 · Más recursos para conversar	Por cierto Tiện thể, rất vui được gặp bạn. Por cierto, encantado de conocerte. Lección 115 · Más recursos para conversar
 thực ra	 thú thật	A decir verdad Thú thật, tôi đang thấy mệt. A decir verdad, estoy cansado. Lección 115 · Más recursos para conversar	en realidad Thực ra, bộ phim đó rất hay. En realidad, la película estuvo muy bien. Lección 115 · Más recursos para conversar
 không sao	 bạn biết đấy	Sabes Bạn biết đấy, tôi nghĩ chúng ta đã gặp nhau trước đây rồi. Sabes, creo que ya nos habíamos conocido. Lección 115 · Más recursos para conversar	No te preocupes Không sao, mọi chuyện sẽ ổn thôi. No te preocupes, todo estará bien. Lección 115 · Más recursos para conversar
 ý tôi là	 thì	Bueno Thì, chuyện đó còn tùy vào cách bạn nhìn nhận. Bueno, depende de cómo lo veas. Lección 115 · Más recursos para conversar	O sea ý tôi là, thời tiết trông đẹp thật. O sea, el tiempo sí que se ve bonito. Lección 115 · Más recursos para conversar

 nhắc mới nhớ	 nói ngắn gọn là	Para no hacer el cuento largo Nói ngắn gọn là tôi đã thắng. Para no hacer el cuento largo, gané. Lección 115 · Más recursos para conversar	Eso me recuerda Nhắc mới nhớ, tôi có một cuộc hẹn. Eso me recuerda, tengo una cita. Lección 115 · Más recursos para conversar
 nghư tôi đã nói	 theo tôi được biết	que yo sepa Theo tôi được biết, nhà ga ở đằng kia. Que yo sepa, la estación está allí. Lección 115 · Más recursos para conversar	como decía Như tôi đã nói, mọi chuyện vẫn ổn. Como decía, está bien. Lección 115 · Más recursos para conversar